

Nói thêm về thương phiếu và ích lợi của thương phiếu đối với đời sống kinh tế ở Việt Nam

TS. TRẦN HUY HOÀNG

Trong thực tế, do có sự khác biệt về chu kỳ sản xuất – kinh doanh giữa các doanh nghiệp, việc thừa vốn ở doanh nghiệp này và thiếu vốn ở doanh nghiệp khác là hiện tượng phổ biến và có tính tất yếu. Trong điều kiện thành phẩm của doanh nghiệp thừa vốn lại là nguyên, nhiên, vật liệu của doanh nghiệp thiếu vốn, nếu quan hệ mua bán chịu được thực hiện trong một thời hạn nhất định thì cả hai đều có lợi. Đó chính là quan hệ tín dụng thương mại.

Để đảm bảo người mua chịu trả nợ khi đúng hạn, bên cạnh sự tín tưởng, người bán chịu còn đòi hỏi phải có một chứng cứ pháp lý, đó chính là tờ giấy chứng nhận quan hệ mua bán chịu nêu trên, tờ giấy chứng nhận này có thể do chủ nợ lập để đòi tiền, hoặc do con nợ lập để cam kết trả tiền, nó được gọi là “kỳ phiếu thương mại” hay “thương phiếu”.

Vì vậy, thương phiếu ra đời trên cơ sở quan hệ mua bán chịu giữa các chủ thể trong nền kinh tế. Trong quá trình phát triển, thương phiếu dần dần biến đổi tính chất, từ một giấy chứng nhận nợ thông thường đã trở thành một công cụ lưu thông tín dụng có thể thực hiện được chức năng phương tiện lưu thông và phương tiện thanh toán thay thế cho tiền mặt trong nền kinh tế.

Thương phiếu tồn tại dưới 2 hình thức là hối phiếu và lệnh phiếu:

- Hối phiếu là chứng chỉ có giá do người bán chịu lập, yêu cầu người mua chịu trả một số tiền xác định vào một thời gian và ở một địa điểm nhất định cho người thụ hưởng.

- Lệnh phiếu là chứng chỉ có giá do người mua chịu lập, cam kết trả một số tiền xác định trong một thời gian và ở một địa điểm nhất định cho người thụ hưởng.

Như vậy, hối phiếu là lệnh đòi tiền do chủ nợ lập và chỉ sử dụng trong quan hệ thương mại, còn lệnh phiếu thì do người mua chịu lập, được sử dụng không chỉ trong quan hệ thương mại mà còn trong các quan hệ dân sự khác.

Thương phiếu có 3 tính chất:

- tính trừu tượng: Trên thương phiếu không ghi cụ thể nguyên nhân phát sinh khoản nợ mà chỉ ghi các thông tin về số tiền phải trả, thời hạn trả tiền và người trả tiền.

- tính bất buộc: Qui định người trả tiền phải thanh toán cho người thụ hưởng đúng hạn, không được phép từ chối hoặc trì hoãn việc trả tiền.

- tính lưu thông: Thương phiếu được chuyển nhượng từ người thụ hưởng sang người khác bằng phương pháp ký hậu, nó có thể chuyển hoá ra tiền khi mang đến ngân hàng xin chiết khấu hoặc cầm cố. tính chất này khiến thương phiếu trở thành một loại phương tiện thanh toán thay cho tiền trong thời gian hiệu lực và mệnh giá thương phiếu.

Ích lợi và nhược điểm

Những ích lợi của thương phiếu khi vận dụng vào thực tế:

Có thể kể ra một số lợi ích kinh tế chủ yếu của thương phiếu:

Thứ nhất, nhờ vào tính chất lưu thông, thương phiếu đã trở thành một công cụ lưu thông tín dụng thay thế tiền mặt, tiết kiệm tiền mặt và góp phần ổn định tiền tệ,

Thứ hai, nó còn là một cơ sở pháp lý trong quan hệ mua bán chịu, bảo vệ quyền lợi của các chủ thể trong tín dụng thương mại, loại bỏ được tình trạng nợ nần dây dưa giữa các doanh nghiệp.

Thứ ba, thương phiếu là loại tài sản đảm bảo chắc chắn khi ngân hàng nhận chiết khấu hay nhận cho vay

cầm cố. Hơn thế nữa, tài sản đảm bảo này lại có tính thanh khoản cao vì ngân hàng có thể mang đi tái chiết khấu hoặc tái cầm cố tại NHNN để khôi phục nguồn vốn của mình.

Thứ tư, thương phiếu bổ sung hàng hoá cho thị trường mở, tạo điều kiện cho ngân hàng trung ương thực hiện tốt công tác điều hoà khối tiền trong lưu thông.

Thứ năm, trong trường hợp người đi vay vốn ngân hàng nhận nợ bằng lệnh phiếu, khi cần thiết, ngân hàng có thể bán khoản nợ này để thu nợ trước hạn bằng cách chuyển nhượng lệnh phiếu cho ngân hàng khác. Đây là một giải pháp chứng khoán hoá các khoản cho vay của ngân hàng.

Và cuối cùng, thông qua nghiệp vụ bảo lãnh và thu hộ thương phiếu, sẽ giúp ngân hàng tăng thu nhập nhưng không tăng rủi ro trong hoạt động kinh doanh của mình.

Tuy nhiên, thương phiếu khi vận dụng vào thực tế cũng có những nhược điểm nhất định như:

Nhược điểm thứ nhất, do tính trừu tượng của thương phiếu, sẽ dẫn đến tình trạng hai doanh nghiệp thông đồng nhau lập ra thương phiếu khống (thương phiếu không phát sinh từ quan hệ mua bán chịu) để mang đến ngân hàng xin chiết khấu hoặc cầm cố. Chính điều này đã làm cho cơ sở đảm bảo của thương phiếu là tín dụng hàng hoá không thể tồn tại, số tiền cho vay được ngân hàng phát ra không có cơ sở đảm bảo.

Nhược điểm thứ hai, với những nhược điểm sẵn có của tín dụng thương mại, khó có thể mở rộng qui mô (khối lượng) và thời gian mua bán chịu hàng hoá trong trường hợp nhu cầu mua chịu quá lớn và thời gian quá lâu.

Nhược điểm thứ ba, quan hệ

mua bán chịu này chỉ có thể phát sinh giữa những doanh nghiệp tín nhiệm, có giao dịch thường xuyên với nhau.

Tuy vậy, do tín dụng thương mại tồn tại song song với tín dụng ngân hàng nên những khiếm khuyết nêu trên của tín dụng thương mại và của sự vận dụng thương phiếu sẽ giảm đến mức xem như không đáng kể.

Những ích lợi kinh tế nêu trên khi đưa thương phiếu vào đời sống kinh tế thì đã quá rõ, thế nhưng trong thời gian qua, thương phiếu và các nghiệp vụ liên quan đến thương phiếu vẫn chưa đi vào đời sống kinh tế ở Việt Nam vì những lý do chủ yếu như sau:

- Các chủ thể tham gia vào nghiệp vụ thương phiếu (Người bán chịu hàng hoá, người được chuyển nhượng thương phiếu, ngân hàng bảo lãnh...) chưa thật sự có lòng tin đối với thương phiếu và khả năng chuyển hoá ra tiền của thương phiếu khi đến hạn.

- Ngân hàng Nhà nước vẫn chưa có những thông tư hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thương phiếu, chưa ban

hành mẫu biểu cụ thể cho thương phiếu để nó có thể trở thành một công cụ lưu thông tín dụng pháp định có thể thay thế cho tiền mặt trong lưu thông

- Pháp lệnh thương phiếu vẫn còn nhiều điểm chưa rõ ràng nên tính khả thi vẫn còn kém.

Giải pháp

Những giải pháp để đưa thương phiếu vào đời sống kinh tế ở Việt Nam trong thời gian trước mắt:

Giải pháp thứ nhất, nhanh chóng tạo dựng một hành lang pháp lý cho sự tồn tại và cho việc thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thương phiếu được an toàn và thuận lợi. Mặc dù Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh thương phiếu có hiệu lực thi hành từ ngày 1.7.2000 và Chính Phủ đã ban hành nghị định 32/2001/NĐ -CP ngày 5.7.2001 hướng dẫn thi hành pháp lệnh trên nhưng vẫn còn nhiều bất cập như chưa rõ ràng, thiếu cụ thể, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế...

Giải pháp thứ hai, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, thảo luận về thương phiếu và ích lợi của thương phiếu đến các doanh nghiệp, là những chủ thể

chủ yếu trong quan hệ thương phiếu.

Giải pháp thứ ba, nâng cao hiệu lực hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) để có thể cung cấp chính xác và kịp thời năng lực chi trả, uy tín của các doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán thương phiếu, đảm bảo quyền lợi của người thụ hưởng.

Giải pháp thứ tư, trong thời gian đầu Nhà nước cần có những ưu đãi hợp lý cho các doanh nghiệp cũng như các Tổ chức tín dụng có tham gia vào quan hệ thương phiếu.

Và cuối cùng, Ngân hàng Nhà nước phải gấp rút ban hành các thông tư hướng dẫn để các ngân hàng có thể mạnh dạn thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thương phiếu như bảo lãnh, chiết khấu và cầm cố thương phiếu. ngân hàng Nhà nước cũng phải nhanh chóng ban hành mẫu biểu cho thương phiếu, ban hành Luật về các công cụ chuyển nhượng...

Trên đây chỉ là một số giải pháp cơ bản được đưa ra, tuy nhiên, nếu thực hiện được, thì việc đưa thương phiếu vào đời sống kinh tế ở Việt Nam chắc chắn sẽ trở thành hiện thực. ■

(Tiếp theo trang 52)

Giải pháp hoàn thiện hệ thống ...

Bảng (M, N) = (4,3) – Đơn vị cm

40 41 43 42 44 38 35 35 36 35 32 34 37 36 44
33 41 37 42 35 29 41 39 46 45 42 44 39 41 31

Bảng (M, N) = (4,4) – Đơn vị cm

41 41 36 40 35 43 39 37 36 45 32 34 39 30 40
43 40 37 40 33 39 44 34 46 45 42 44 30 41 38

Bảng (M, N) = (5,1) – Đơn vị cm

40 39 44 41 47 48 39 37 36 35 32 34 37 39 46
34 40 39 40 35 39 39 33 46 35 42 44 30 40 37

Bảng (M, N) = (5,2) – Đơn vị cm

44 41 43 42 41 38 39 36 36 30 32 34 37 35 42
43 38 39 38 35 33 45 39 46 40 42 44 38 32 39

Bảng (M, N) = (5,3) – Đơn vị cm

43 46 39 42 45 38 32 37 36 35 32 34 39 32 44
43 39 39 40 30 40 40 38 46 45 42 44 39 34 39

Bảng (M, N) = (5,4) – Đơn vị cm

40 41 43 39 46 39 39 37 36 35 32 34 37 29 39
37 41 40 40 35 39 43 30 46 41 42 44 30 42 39

Dựa vào các dữ liệu trên thì Sij lấy giá trị như sau :

Sij	1	2	3	4
1	39	41	39	37
2	38	39	38.2	38.7
3	39	38.1	38.9	38.6
4	38.3	38.9	38.9	38.5
5	38.9	38.7	39	38.5

Và tính được :

	df	ss	ms	F	p
A	3	2.0020	0.6673	1.0631	0.4010
B	4	0.6029	0.1507	0.2401	0.9101
ERR	12	7.5329	0.6277		

5. Kết luận

Qua ví dụ trên chúng ta thấy rằng các nhà quản lý và kinh doanh trong ngành công nghiệp cao su có thể quyết định việc đầu tư và mở rộng diện tích kinh doanh với quy mô lớn hơn, với mức ý nghĩa 5% các số liệu trên cho thấy sự phát triển của các giống là như nhau và không phụ thuộc vào các vùng đã được đề cập và khảo sát. Việc sử dụng loại máy tính Casio Fx 2.0 Plus này gọn nhẹ phù hợp cho mọi nhà kinh doanh. Vì vậy, chúng ta cũng có thể coi đây là một trong những giải pháp để hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ ngành công nghiệp cao su VN. ■